

## QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Suối Sắt, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 cho một số địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở;*

*Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên tại tờ trình số 1122/TTr-UBND ngày 28/5/2024 và Báo cáo thẩm định số 1795/SNN-PTNT ngày 27/5/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Suối Sắt, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên, với những nội dung chủ yếu như sau:

- Tên dự án:** Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Suối Sắt, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên.
- Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên.

#### 4. Mục tiêu, quy mô xây dựng, giải pháp thiết kế chủ yếu

4.1. Mục tiêu: Sắp xếp ổn định cho 36 hộ dân và 01 nhà lớp học mầm non của bản Suối Sát, Xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên đang sống trong vùng có nguy cơ sạt lở đến nơi ở mới; ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

#### 4.2. Quy mô, giải pháp thiết kế chủ yếu

##### 4.2.1. San nền

a) *Quy mô xây dựng:* San ủi 36 nền nhà và 01 nền nhà lớp học, diện tích mỗi nền nhà khoảng 280m<sup>2</sup>, nền nhà lớp học khoảng 622,22m<sup>2</sup>.

##### b) Các giải pháp thiết kế chủ yếu.

- Trên cơ sở địa hình tự nhiên, tận dụng tối đa địa hình hiện trạng để bố trí các ô san nền cho các hộ dân; nền hiện trạng được san gạt đánh cấp bám sát theo độ dốc của đường giao thông và đường nội bộ để đảm bảo vượt nổi hợp lý vào nhà dân; nền hiện trạng được san theo phương pháp mặt cắt được thể hiện qua các cọc địa hình; mái taluy: Mái đào tỷ lệ 1/0,5÷1/0,75, mái đắp tỷ lệ 1/1÷1/1,5;

- Điều phối đất, đá: Trên cơ sở tính toán khối lượng san nền thực hiện cân bằng đào đắp, để tận dụng tối đa đất đào vận chuyển cự ly gần sang đắp; khối lượng còn thừa vận chuyển ra bãi thải.

##### 4.2.2. Nhà lớp học

a) *Quy mô xây dựng:* Xây dựng 01 nhà lớp học mầm non diện tích 150,1m<sup>2</sup>.

##### b) Các giải pháp thiết kế chủ yếu.

- *Kiến trúc:* Kích thước nhà (11,7x12,0)m; bước gian 3,9m; bước nhịp 6,0m, 3,0m; hành lang rộng 2,4m; cao độ nền nhà cốt ±0,0 cao hơn cốt sân 0,45m; chiều cao tầng 3,6m; chiều cao mái 2,7m; chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà ±0,0 đến đỉnh mái 6,3m; nền nhà lát gạch ceramic kích thước (50x50)cm, nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (30x30)cm, tường khu vệ sinh ốp gạch men kính kích thước (30x40)cm, cao 1,8m; bậc tam cấp lát đá granite; cửa đi, cửa sổ bằng cửa khuôn thép, kính dày 5,0mm; lan can hành lang thép hộp sơn chống gỉ; tường, cột, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn trực tiếp không bả;

- *Kết cấu:* Móng đơn, cột, dầm, sàn, lanh tô đổ bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*); đệm móng, nền nhà đổ bê tông cấp độ bền B7,5 (*mác 100*); tường xây gạch vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50; trát dầm, trần, cột vữa xi măng mác 75; cấu tạo mái: Tôn múi dày 0,4mm/ xà gồ thép/ tường thu hồi xây gạch vữa xi măng mác 50;

- *Cấp điện:* Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối với hệ thống điện của khu vực đến tủ điện tổng cấp điện cho toàn nhà. Sử dụng các thiết bị điện: Bóng đèn tuýp led công suất 40W, đèn ốp trần công suất 40W, quạt đảo trần công suất 48W...; toàn bộ dây dẫn được đặt trong ống gen đi chìm tường;

- *Chống sét:* Sử dụng kim thu sét Ø18mm mạ kẽm, dây dẫn và dây thu sét

Ø10mm, dây tiếp địa Ø16mm, cọc tiếp địa thép hình đều cạnh. Điện trở của bộ phận tiếp địa  $\leq 10 \Omega$ ;

- *Phòng chống cháy nổ*: Hệ thống chữa cháy được thiết kế với phương án bình chữa cháy xách tay;

- *Cấp, thoát nước*:

+ *Cấp nước*: Nguồn nước cấp cho công trình được đầu nối từ nguồn cấp nước ngoài nhà; nước được cấp về 01 bồn nước inox đặt trên mái; từ bồn nước mái dùng ống PPR cấp nước xuống các khu vệ sinh và thiết bị;

+ *Thoát nước*: Thoát nước khu vệ sinh sử dụng ống PVC Ø110, Ø90 và Ø42 thoát xuống bể tự hoại và rãnh thoát nước ngoài nhà.

#### 4.2.3. Đường Giao thông

##### a) Vị trí xây dựng

- Đường vào bản: Điểm đầu đầu nối vào ngã ba giao với tuyến đường đất từ trung tâm xã Tạ Khoa đi bản Suối Sát và tuyến đường nội bộ số 01 vào bản Suối Sát sở tại; điểm cuối kết thúc tại điểm sắp xếp dân cư bản Suối Sát.

- Đường nội bộ: Gồm 03 tuyến, trong đó tuyến số 01 có điểm đầu đầu nối vào ngã ba giao với tuyến đường đất từ trung tâm xã Tạ Khoa đi bản Suối Sát và tuyến đường vào bản, điểm cuối kết thúc tại bản Suối Sát sở tại; các tuyến nội bộ số 2, 3 nằm trong nội bộ điểm sắp xếp dân cư bản Suối Sát.

b) *Quy mô xây dựng*: Xây dựng tuyến đường vào bản theo tiêu chuẩn đường cấp B (TCVN 10380:2014), chiều dài  $L=2,08\text{km}$ ; tuyến đường nội bộ theo tiêu chuẩn đường cấp C (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài  $L=1,04\text{km}$ .

##### c) Giải pháp kỹ thuật

- Hướng tuyến và nền đường: Tuyến được triển khai trên cơ sở tận dụng nền đường hiện trạng (*đường đất*) kết hợp cải tạo, mở rộng đảm bảo hợp lý về kinh tế - kỹ thuật, phù hợp với quy trình, quy phạm hiện hành. Cụ thể đạt được:

+ Đường vào bản: Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất sử dụng  $R_{\min}=15\text{m}$ ; độ dốc dọc tối đa sử dụng  $I_{\max}=13\%$ ; bề rộng nền đường  $B_n=4,0\text{m}+W$  (*không kể rãnh dọc*), trong đường cong mở rộng theo tiêu chuẩn; mái taluy nền đào, đắp theo tiêu chuẩn; rãnh dọc tiết diện hình thang.

+ Đường nội bộ: Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất sử dụng  $R_{\min}=10\text{m}$ ; độ dốc dọc tối đa sử dụng  $I_{\max}=15\%$ ; bề rộng nền đường  $B_n=4,0\text{m}+W$  (*không kể rãnh dọc*), trong đường cong mở rộng theo tiêu chuẩn; mái taluy nền đào, đắp theo tiêu chuẩn; rãnh dọc tiết diện hình thang.

- Mặt đường

+ Đường vào bản: Bề rộng mặt đường  $B_m=3,0\text{m}+W$ , trong đường cong mở rộng theo tiêu chuẩn; kết cấu mặt đường BTXM M250 dày 18cm/ lớp lót bạt dứa/ móng cấp phối đá dăm dày 12cm/ nền đường đầm chặt  $K \geq 0,95$ .

+ Đường nội bộ: Bề rộng mặt đường  $B_m=3,0m+W$ , trong đường cong mở rộng theo tiêu chuẩn; kết cấu mặt đường BTXM M250 dày 16cm/lớp lót bạt dứa/móng cấp phối đá dăm dày 10cm/nền đường đầm chặt  $K \geq 0,95$ .

- Công thoát nước: Xây dựng công thoát nước (*lưu vực và rãnh dọc*) với khẩu độ phù hợp đảm bảo khả năng thoát nước, khổ công bằng khổ nền đường, tần suất  $P=4\%$ , tải trọng thiết kế H13-X60.

- Hạng mục khác

+ Xây dựng tường chắn taluy âm tại các vị trí nền đường hẹp có độ dốc ngang lớn; kết cấu bằng rọ thép nhồi đá hộc, tải trọng thiết kế H13-X60.

+ Xây dựng các điểm vượt nối, điểm giao, ngã ba phù hợp với quy mô cấp hạng của tuyến và điều kiện thực tế.

- Các chi tiết khác: Theo hồ sơ lập, trình thẩm định.

- Khối lượng chủ yếu

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	
			Đường vào bản	Đường nội bộ
1	Chiều dài thiết kế	Km	2,08	1,04
2	Tổng khối lượng đào, đắp	m <sup>3</sup>	83.920,45	17.190,95
3	Diện tích mặt đường BTXM	m <sup>2</sup>	6.779,90	3.384,92
4	Công thoát nước làm mới	Cái	05	05
5	Kè rọ thép	đoạn/m	03/78,00	02/42,00

#### 4.2.4. Điện Sinh hoạt

##### a) Về quy mô xây dựng

- Đường dây trung thế: Xây dựng mới 1.332m đường dây 35kV đến vị trí xây dựng trạm biến áp cấp điện cho khu vực dự án.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 50kVA cấp điện cho khu vực dự án.

- Phân hạ thế: Xây dựng mới 939m đường dây 0,4kV và lắp đặt 37 công tơ cấp điện cho các hộ dân trong khu vực dự án

##### b) Giải pháp xây dựng chính

- Đường dây trung thế

+ Điểm đầu tuyến: Đầu nối tại cột số 226/41/20/14 lộ 373 thuộc E17.5 Phù Yên.

+ Điểm cuối tuyến: Tại Trạm biến áp xây dựng mới.

+ Cấp điện áp thiết kế: 35kV

+ Số mạch: mạch đơn.

+ Dây dẫn 35kV: Sử dụng loại dây nhôm lõi thép có tiết diện tương ứng 50/8 mm<sup>2</sup> và dây nhôm lõi thép tăng cường có tiết diện tương ứng 50/30 mm<sup>2</sup> cho các khoảng vượt lớn.

+ Cách điện: cách điện đứng PI – 35kV; Chuỗi thủy tinh 35kV.

+ Các giải pháp xây dựng chính: Xà: chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp tối thiểu bằng 80μm; Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm không dự ứng lực (NPC); Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép; Tiếp địa: Sử dụng loại cọc tia hỗn hợp, điện trở đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Trạm biến áp

+ Số lượng MBA: 01 máy.

+ Công suất trạm: 50kVA.

+ Kiểu trạm: Trạm treo trên cột NPC.

+ Điện áp sơ cấp: 35kV.

+ Điện áp thứ cấp: 0,4kV.

+ Loại MBA: Máy biến áp 3 pha, ngâm dầu, làm mát tự nhiên.

+ Sơ đồ nối điện chính: Đường dây trên không 35kV đến trạm biến áp → Chống sét van 35kV → Cầu chì tự rơi → Máy biến áp → Tủ hạ thế.

+ Cột trạm: Sử dụng cột NPC.

+ Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép.

+ Tiếp địa trạm: Sử dụng sơ đồ cọc tia hỗn hợp, điện trở tiếp địa đảm bảo theo quy định hiện hành.

+ Giải pháp bảo vệ chống quá điện áp khí quyển: Sử dụng chống sét van 35kV phía trung thế và chống sét van hạ thế tại tủ điện hạ áp.

+ Xà: chế tạo từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng với chiều dày lớp tối thiểu bằng 80μm.

+ Tủ hạ thế: Sử dụng tủ hạ thế 02 lộ ra, loại tủ trọn bộ sơn tĩnh điện.

+ Giải pháp phân lập sự cố, đóng cắt tại tủ hạ thế: Sử dụng Aptomat tổng và 02 Aptomat nhánh.

- Đường dây 0,4kV

+ Kiểu xây dựng: Đường dây trên không.

+ Cột: Sử dụng cột bê tông H.

+ Móng cột: Sử dụng móng bê tông đúc tại chỗ.

+ Tiếp địa: Sử dụng tiếp địa lặp lại loại cọc tia hỗn hợp, điện trở đảm bảo theo quy định hiện hành.

- + Dây dẫn: Sử dụng cáp vặn xoắn ABC.
- Hệ thống công tơ
- + Hòm công tơ: Sử dụng hòm Compuzit.
- + Công tơ: Sử dụng công tơ điện tử 1 pha có hỗ trợ chức năng đo xa.
- + Đầu nối từ đường dây hạ thế đến hòm công tơ: Sử dụng cáp Muyle, tiết diện phù hợp theo quy định.
- + Giải pháp đóng cắt, bảo vệ công tơ: Sử dụng aptomat lắp sau công tơ, tại vị trí hòm công tơ.

#### 4.2.5. Nước Sinh hoạt

a) Quy mô xây dựng: Nâng cấp xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt (*cấp nước tự chảy về mùa mưa với định mức cấp nước 100,0 l/người/ngày-đêm; cấp cho mùa khô với định mức cấp nước 60,0 l/người/ngày-đêm*) cấp cho 36 hộ dân sắp xếp ở vị trí mới, 1 nhà lớp học và tạo nguồn cho 60 hộ dân hiện tại của bản Suối Sát.

#### b) Giải pháp thiết kế chủ yếu

- Đầu mối lấy nước: Tận dụng đập cũ đã được xây dựng tại huổi Sát, nạo vét đất đá thượng lưu đập, sắp xếp lại các tầng lọc trước hồ thu và thay thế các phụ kiện hư hỏng.

- Bể lọc: Tận dụng 1 bể lọc cũ (*bể không còn vật liệu lọc*) vệ sinh lại bể bổ sung vật liệu lọc (*dành cho 60 hộ dân hiện tại*).

- Xây mới bể lọc kết hợp bể điều hòa 8m<sup>3</sup> (*dành cho 36 hộ dân sắp xếp ở vị trí mới*): Kích thước toàn bể (BxLxH): (5,45x3,1x1,5)m, kết cấu móng tường, tấm đan BTCT M200, tường trong trát vữa đánh màu M75 dày 1.5cm, phía ngoài trát vữa M75 dày 1.5cm, nền bể láng vữa XM M75 đánh màu dày 2cm.

#### - Tuyến ống và công trình trên tuyến

+ Tuyến đường ống: Xây dựng tuyến đường ống bằng ống thép mạ kẽm và ống nhựa HDPE từ đập đầu mối đến hộ gia đình, tổng chiều dài L=5247,0 m. Mặt cắt chôn ống (bxh)=(30\*30 -:- 30\*40)cm, khi thi công xong đầm chặt.

+ Mổ dỡ ống qua huổi: Bố trí 1 đoạn mổ dỡ ống từ cọc 8-:-9, Kết cấu BTXM M150 và bu lông thép đai ôm ống dày 3mm;

+ Cầu kiện ống qua cống: Bố trí ống nhựa HDPE lồng ngoài ống chính kết hợp bu lông và thép đai ôm ống dày 3mm

+ Hồ van: Xây dựng 5 hồ van (1 hồ van điều tiết, 1 hồ van xả khí và 3 hồ van xả cạn). Kích thước hồ van (LxBxH)=(1,1x1,1x0,95)m kể cả móng, kết cấu móng tường bê tông vữa XM M150, tấm nắp kết cấu BTCT M200, bên trong có hệ thống van, côn tê, kếp;

+ Sân rửa + téc nước cho hộ gia đình 37 cái (36 hộ dân sắp xếp mới và 1 cho nhà lớp học): Sân rửa kích thước (LxBxH)=(2,4x1,75x0,1)m, mổ dỡ chân

téc kích thước (LxBxH)=(0,2x0,2x0,3m). kết cấu bê tông vữa XM150. Thiết kế téc nước INox đứng  $W = 1.5m^3$ .

#### 4.2.6. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

a) Quy mô xây dựng: Xây dựng 01 hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

b) Giải pháp thiết kế chủ yếu

- Bố trí ga thu nước thải từ các bể tự hoại (*dự kiến*) cho các hộ dân bằng ống PVC Ø110; kích thước ga (1,14x1,14)m; tấm đan, móng đỡ bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*); thân ga xây gạch vữa xi măng mác 75, dày 22cm;

- Đường ống thoát nước sử dụng ống PVC Ø110 dẫn nước từ các hố ga về bể xử lý 5 ngăn; kích thước bể (4,0x3,0x1,7)m; mặt bể, móng bể đỡ bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*); thân bể xây gạch vữa xi măng mác 75, dày 22cm.

(*Vị trí, kích thước, kết cấu, chi tiết cụ thể các hạng mục xem hồ sơ thiết kế*)

### 5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

\* Nhà thầu chính: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 488.

- Địa chỉ: Số nhà 69, Ngõ 1, đường Chu Văn An, tổ 1, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500417898; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số SOL-00032620 theo quyết định số 239/QĐ-SXD ngày 31/10/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Sơn La.

\* Nhà thầu phụ: Công ty TNHH Phúc Thịnh Tây Bắc (Thiết kế hạng mục điện sinh hoạt).

- Địa chỉ: Nhóm 15, tổ 14 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500516377; Giấy phép hoạt động điện lực số 01/GP-SCT ngày 17/5/2021 do Sở Công Thương Sơn La cấp có thời hạn đến 17/5/2026.

**6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:** Xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; diện tích sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt.

### 7. Nhóm dự án, loại và cấp công trình thuộc dự án

7.1 Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

7.2 Loại và cấp công trình chính:

- Hạng mục san nền: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

- Hạng mục Nhà lớp học mầm non: Công trình dân dụng, cấp III.

- Hạng mục Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

- Hạng mục đường vào bản, đường nội bộ: Công trình đường ô tô, cấp IV.

- Hạng mục cấp nước sinh hoạt: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

- Hạng mục điện sinh hoạt: Công trình năng lượng đường dây và TBA, cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình chính thiết kế là: dưới 20 năm.

## **8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn**

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

8.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;
- QCVN 07-2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình Hạ tầng kỹ thuật;
- TCVN 4419-1987: Khảo sát xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;
- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;
- TCVN 9437-2012: Khoan thăm dò địa chất công trình;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 10380-2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành "Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020";
- Quy phạm trang bị điện: 11-TCN-18-2006, 11-TCN-19-2006, 11-TCN-20-2006, 11 TCN-21-2006 do Bộ Công Nghiệp ban hành kèm theo quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/07/2006; và các tiêu chuẩn khác có liên quan;
- Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về ban hành quy định kỹ thuật điện nông thôn.
- Tiêu chuẩn về máy biến áp và kháng điện: IEC 60076;
- Tiêu chuẩn chống sét van: IEC 60099-4;
- Tiêu chuẩn cách điện: IEC 60273, 60383, 60305;
- Tiêu chuẩn dây dẫn: IEC 60189;
- Tiêu chuẩn cáp lực: IEC 60502, IEC 60228 TCVN;
- Tiêu chuẩn dây trần dùng cho đường dây tải điện: TCVN 5064: 1994;
- Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 319:2004 Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung;
- TCVN 185: 1986 Hệ thống tài liệu thiết kế - Ký hiệu bằng hình vẽ trên sơ đồ điện, thiết bị điện và dây dẫn trên mặt bằng.



- Tiêu chuẩn về tổn hao máy biến áp phân phối theo Quyết định 1011/QĐ-EVN ngày 07/4/2015 và TCVN 8525: 2010 (tham khảo)

- Tiêu chuẩn về kết cấu thép - gia công - lắp ráp - nghiệm thu và yêu cầu kỹ thuật: 20TCN 170-89;

- Tiêu chuẩn về thép hình, thép tấm: TCVN 1656-75, TCVN 7571-1 2006; JIS 3192; JIS G 3101; JIS G 3106;

- Tiêu chuẩn về bu lông đai ốc: TCVN 1876-76 và 1896-76;

- Tiêu chuẩn về vòng đệm vênh: TCVN 130-77; TCVN 132-77; TCVN 134-77; TCVN 2060-77; TCVN 2061-77;

- Tiêu chuẩn về mạ kẽm nhúng nóng: 18 TCN 04-92;

- Quy định về mạ kẽm nhúng nóng của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 2982/QĐ-EVN-TĐ ngày 10/09/2003;

- Quyết định số 1186/QĐ-EVN ngày 07/12/2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Quy trình kỹ thuật an toàn điện trong công tác quản lý, vận hành, sửa chữa, xây dựng đường dây và trạm điện;

- Quyết định số 1299/QĐ-EVN ngày 03/11/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành quy định công tác thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

- Quyết định số 1470/QĐ-EVNNPC ngày 17/6/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc, về việc thông qua đề án “Thiết kế định hướng phát triển lưới điện trung hạ áp giai đoạn 2021-2025”;

- TCVN 33-2006: Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình;

- QCVN 01:2023/SL – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Các tiêu chuẩn, quy trình quy phạm kỹ thuật của nhà nước, chuyên ngành hiện hành có liên quan.

**9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 26.776.908.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng chẵn).

*Trong đó:*

Chi phí xây dựng:	19.071.379.033	đồng
Chi phí thiết bị + thí nghiệm:	280.204.307	đồng
Chi phí QLDA:	469.299.371	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.958.372.604	đồng
Chi phí khác:	313.387.993	đồng
Chi phí dự phòng:	2.434.264.331	đồng
Chi phí bồi thường, GPMB:	2.250.000.000	đồng

## **10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024.**

**11. Nguồn vốn:** Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 (*theo quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 29/12/2023*) là 24.500,0 triệu đồng và Ngân sách huyện là 2.276,908 triệu đồng.

**12. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**13. Bồi thường, hỗ trợ tái định cư:** Thực hiện theo quy định.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. UBND huyện Bắc Yên (Chủ đầu tư)**

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về hồ sơ, thủ tục, số liệu trình duyệt theo quy định;

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp) giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện dự án; Bố trí nguồn vốn ngân sách huyện theo cơ cấu nguồn vốn đầu tư được duyệt để thực hiện dự án.

- Chỉ đạo thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai, về ngân sách, về đầu tư công, về đấu thầu, các quy định pháp luật liên quan và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024;

- Phân công Lãnh đạo UBND huyện trực tiếp chỉ đạo thực hiện dự án. Lập kế hoạch giải ngân chi tiết, tuân thủ nghiêm kế hoạch giải ngân theo tháng, quý đảm bảo giải ngân 100% trong năm 2024 nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân dự án. Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công triển khai dự án. Tăng cường kiểm tra, giám sát, tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng mục tiêu, hiệu quả, tiến độ thời gian, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư. Quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

- Chủ động rà soát các nội dung kiến nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thông báo kết quả thẩm định số 1795/SNN-PTNT ngày 27/5/2024 trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan kiểm tra, thanh tra về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung, quy trình thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định dự án.

- Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

**3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn thực hiện dự án theo quy định.**

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng; Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 05b.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thành Công*

**Nguyễn Thành Công**